

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+BK9+TD3	7:25	2+0+17	0+0+0		0+0+18	0+0+0	chuyen 4 bk9-td3
2		TD5+P6+P3	7:25	20+0+0	0+0+0		17+0+2	0+0+0	chuyen 2 td5-p6
3		SAVR+BK14+P2	9:25	13+0+8	0+0+0		0+4+6	0+0+0	
4		P8+VSP01+P1	9:25	10+10+0	0+0+0		8+4+5	0+0+0	chuyen 2 P8-VSP01

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/11/2024	TO: BK8 - BK9 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG -	ETA: 09:20
XANH-1		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUONG ANH VU	BK8	17	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN QUANG	BK8	18	1	9	1	13	70	CODIEN	Vietnamese
3	OLEINIK IVAN	TD3	64	1	5			75	KHOAN	Russian
4	DOAN QUANG BAC	TD3	56	1	4	1	22	70	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM HUNG DUONG	TD3	59	1	3	1	22	98	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN MANH HUNG	TD3	66	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH AI HUU	TD3	62	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ANH	TD3	70	1	12	1	19	83	KHOAN	Vietnamese
9	VU TIEN DUNG	TD3	57	1	10	1	15	70	KHOAN	Vietnamese
10	LE MANH THANG	TD3						73	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN NGHIA	TD3	63	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
12	DAO DUY DIEP	TD3	61	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN TRONG TIEN	TD3	65	1	14			80	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TUAN KIET	TD3	54	1	8			76	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN VAN KHUU	TD3	53	1	10			62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG SON	TD3	72	1	9	3	41	72	DVL	Vietnamese
17	LUONG XUAN DUOC	TD3	69	1	6			68	PSV	Vietnamese
18	QUACH DAC THAN	TD3	67	1	7			50	PSV	Vietnamese
19	PHAM VAN TUONG	TD3	68	1	8			83	PSV	Vietnamese
20	LA THANH	TD3				5	25	75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	2	140	2	19	1	13	0		
2	BK9	0	0	0	0	1	21	0+4		CHUYEN 4 PAX BK9-TD3
3	TD3	18	1.332	16	126	12	144	18		
TOTAL		20	1.472	18	145	14	178	18		
WEIGHT KG			1.472		145		178			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/11/2024	TO: TD5 - P6 - P3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - VŨ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ MẠNH THẮNG	TD5	98	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD5	94	1	11			87	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	96	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	91	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	84-85	2	14			88	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ ĐỨC ANH	TD5	87	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DỤC	TD5	99,500	2	9	7	120	70	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ LONG PHI	TD5	90	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	34	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	88	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN XUÂN	TD5	32	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TƯ ĐỘ	TD5	92	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HÙNG TIẾN QUANG	TD5	30-31	2	11			62	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN SƠN	TD5	86	1	10			57	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN LÊN	TD5	89	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	97	1	13			66	KHOAN	Vietnamese
17	QUÁCH THẾ ANH	TD5	95	1	15			69	KHOAN	Vietnamese
18	THÔI QUỐC TUÂN	TD5	38	1	7			65	XAYLAP	Vietnamese
19	LƯƠNG ANH HAI	TD5	93	1	3			56	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HUU	TD5	33	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	20	1.365	23	162	7	120	17	2	CHUYEN 02 PAX TU TD5 SANG P6
2	P6	0	0	0	0	0	0	0		
3	P3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.365	23	162	7	120	19		
WEIGHT KG			1.365		162		120			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/11/2024	TO: SAVR - BK14 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - N.CƯỜNG -	ETA: 11:40
XANH-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	RODNIKOV STANISLAV	SAVR	27-28	2	18			70	AMNGR	Russian
2	KUZNETSOV VLADIMIR	SAVR	29-30	2	20			99	AMNGR	Russian
3	NGO TUAN CUONG	SAVR	31	1	8	7	123	70	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN BINH	SAVR	20	1	6			72	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG MẠO	SAVR	16-17	2	21			75	BAKER HUC	Vietnamese
6	NGUYEN QUYẾT QUYNH	SAVR	21-22	2	20			63	BAKER HUC	Vietnamese
7	NIYATI ISSARAPREEDA	SAVR	18-19	2	21			75	BAKER HUC	Thailand
8	ĐÌNH TRẦN ĐỨC TRI	SAVR	23-24	2	9			59	BAKER HUC	Vietnamese
9	BEKESHEV TROLBEK	SAVR	25-26	2	21			71	KHOAN	Russian
10	NGUYEN XUAN NHAC	P2	08-09	2	14			73	BIEN ĐONG	Vietnamese
11	HOANG CAO CUONG	P2	01	1	12			68	BIEN ĐONG	Vietnamese
12	TRƯƠNG MINH THE	P2	12-13	2	13			60	BIEN ĐONG	Vietnamese
13	NGÔ SỸ TRINH	P2	02-03	2	11			58	BIEN ĐONG	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HUNG	P2	11	1	15			68	BIEN ĐONG	Vietnamese
15	LÊ VĂN MINH	P2	10	1	9			56	BIEN ĐONG	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TAN	P2	04-06	3	19			67	BIEN ĐONG	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NGHIA	P2	07	1	11			57	BIEN ĐONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	9	654	16	144	7	123	9		
2	BK14	0	0	0	0	1	4	4		
3	P2	8	507	13	104	0	0	6		
TOTAL		17	1.161	29	248	8	127	19		
WEIGHT KG			1.161		248		127			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/11/2024	TO: P8 - VSP01 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - ĐNAM - VŨ	ETA: 11:45
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ QUANG TUÂN	P8	02	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO TRUNG KIẾN	P8	94	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH BA ĐỒNG	P8	98	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	300	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH BÌNH	P8	99	1	3	2	40	73	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NĂNG	P8	01	1	6			65	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	96-97	2	12			78	PSV	Vietnamese
8	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	95	1	5			56	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HOÀI	P8	03	1	8			56	PSV	Vietnamese
10	ĐỖ DUY	P8	04	1	5			67	PSV	Vietnamese
11	TARGANOV GENNADII	VSP01	66	1	7			92	ANTOAN	Russian
12	BAMBUROV	VSP01	61	1	3			98	KH-THAC	Russian
13	SABITOV A.	VSP01				2	40	82	KH-THAC	Russian
14	KRAMARENKO	VSP01	67	1	6			66	KH-THAC	Russian
15	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	63	1	5			72	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	68	1	4			68	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	65	1	10			64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG BAO	VSP01	62	1	4			63	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HOÀNG	VSP01	64	1	3			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	10	689	11	54	2	40	8	12	CHUYEN 2 PAX P8-VSP01
2	VSP01	9	666	8	42	2	40	4		
3	P1	0	0	0	0	3	50	5		
TOTAL		19	1.355	19	96	7	130	17		
WEIGHT KG			1.355		96		130			

GRAND TOAL: 1.581 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK15+TTC2+P8	7:25	9+5+8	0+0+0		3+2+17	0+0+0	
2		P6+VSP01+TD2	7:25	17+2+2	0+0+0		15+3+1	0+0+0	
3		P10+P6+BK21	7:25	7+10+5	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
4		P5+GTC1+RC4	9:25	11+8+1	0+0+0		0+0+0	0+0+0	
5		TTC3+P8+CTK3	9:25	5+15+0	0+0+0		5+15+2	0+0+0	
6		TTC1+TTC2+BK15	9:40	18+2+1	0+0+0		5+6+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày bk15-2ng, TTC2-3ng:
2 người Vũ gia P10 về bờ đăng ký đi Rp1 ngày khác



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2024	TO: BK15 - TTC2 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THÀNH	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN VĂN ĐỨC	BK15	63	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
2	MIRAIPOVR	BK15	60	1	3			90	KH-THAC	Russian
3	PHAN QUANG HOANG	BK15	22	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU TIẾN THANH	BK15	73	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HUY	BK15	61-62	2	6			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CHI CÔNG	BK15	19-20	2	11	1	5	93	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HỮU CHÍNH	BK15	23	1	5	3	50	67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KHIEM	BK15	24-25	2	14			71	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	21	1	3			67	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CÂN	TTC2						60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN HÙNG	TTC2	22	1	3	3	40	69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	TTC2	68	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
13	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	66-67	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ TRƯỞNG KIẾN	TTC2	69-70	2	16	1	13	93	KH-THAC	Vietnamese
15	LAZAREV	P8	46	1	5			82	KH-THAC	Russian
16	TRẦN VĂN QUÊ	P8	42	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	38	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P8	40	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	43	1	7	1	6	72	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN BÁC	P8	39	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI TRỌNG BÌNH	P8	41	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	37	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK15	9	676	12	58	4	55	3		
2	TTC2	5	348	6	30	4	53	2		
3	P8	8	562	8	65	1	6	17		
TOTAL		22	1.586	26	153	9	114	22		
WEIGHT KG			1.586		153		114			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2024		TO: P6 - VSP01 - TD2			AIRCRAFT: 427			ETD: 07:35		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: N.ANH - VTHẮNG -			ETA: 09:25		
CAM-1					DTÙNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHERNHIAVSKI	P6	79	1	10	2	40	114	KH-THAC	Russian
2	PIATOV	P6	04	1	13			100	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P6	05	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN HOÀN	P6	14	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH HOÀN	P6	06	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẠO MẠNH HUY	P6	09	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN QUY	P6	01-02	2	20			75	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN DOÀN ĐỨC	P6	77	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ DUY ĐÔNG	P6						92	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	92	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH HOÀI NAM	P6	11	1	15	2	22	88	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	78	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	HÀ XUÂN THANH	P6	90-91	2	9			108	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HUY THAI	P6	76	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SAU	P6	10	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P6	03	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	93	1	10			56	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ XUÂN LONG	VSP01	60	1	6			67	NIPI	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC NHÂN	VSP01	61	1	5			69	NIPI	Vietnamese
20	TRẦN CONG HIEN	TD2	75	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	76	1	3			74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	17	1.393	18	138	4	62	15		
2	VSP01	2	136	2	11	0	0	3		
3	TD2	2	151	2	8	0	0	4		
TOTAL		21	1.680	22	157	4	62	22		
WEIGHT KG			1.680		157		62			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2024	TO: P10 - P6 - BK21	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - HUỠ	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN PHÚC	P10	31,08	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P10	11-12	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ VĂN KHA	P10	17	1	11			71	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ KIM THÔNG	P10	09	1	10	1	12	64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRĂNG	P10	18-19	2	12			62	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN VINH	P10	13-14	2	15			70	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN NGỌC THANH	P10	15	1	10	1	13	80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KHANH	P6	56	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO KIM SÂM	P6	61	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	59-60	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG HUY	P6	98	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THIN	P6	500	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
13	KOSTIKIN VITALII	P6	62	1	17			130	NIPI	Russian
14	NGUYỄN TRỌNG THANH	P6	99	1	11			73	PSV	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN TUÂN	P6	57	1	6			62	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	58	1	8			88	PSV	Vietnamese
17	ĐO MINH TOÀN	P6	07-08	2	16			109	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	BK21	52	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HUY	BK21	53-54	2	16			83	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HỒNG GIANG	BK21	57-58	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH KIẾT	BK21	55	1	10	1	11	72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK21	51	1	8			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	7	482	11	87	2	25	5		
2	P6	10	793	12	94	0	0	12		
3	BK21	5	365	7	55	1	11	5		
TOTAL		22	1.640	30	236	3	36	22		
WEIGHT KG			1.640		236		36			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2024	TO: P5 - GTC1 - RC4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THÀNH	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRUONG CONG THIN	P5	53	1	8			71	SINHUNG	Vietnamese
2	VU TRONG TU	P5	49	1	7			60	SINHUNG	Vietnamese
3	TRAN VAN HONG	P5	52	1	11			71	SINHUNG	Vietnamese
4	VAN VO THIEN	P5	88-89	2	13			62	SINHUNG	Vietnamese
5	MAI VAN VUONG	P5	51	1	12			57	SINHUNG	Vietnamese
6	DINH MANH SON	P5	57,48	2	11			61	SINHUNG	Vietnamese
7	TRAN DINH PHUONG	P5	86-87	2	16			73	SINHUNG	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HOA	P5	55	1	8			70	SINHUNG	Vietnamese
9	BUI VAN THUY	P5	50	1	6			56	SINHUNG	Vietnamese
10	VU VAN HUYEN	P5	54	1	6			65	SINHUNG	Vietnamese
11	TRINH HONG UNG	P5	90	1	9			63	SINHUNG	Vietnamese
12	LE HONG LONG	GTC1	46-47	2	17			79	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM VAN TOAN	GTC1	48	1	8	1	18	70	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VAN SON	GTC1	44-45	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	GTC1	52	1	10	1	17	77	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN TUYEN	GTC1	59	1	5	2	20	73	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN ANH KHANH	GTC1	54-55	2	18			55	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM VAN THOONG	GTC1	50-51	2	18			56	XAYLAP	Vietnamese
19	DOAN NGOC DINH	GTC1	57-58	2	14			73	XAYLAP	Vietnamese
20	HA DUC THANH	GTC1	56	1	9			61	PSV	Vietnamese
21	KUSHCHENKO N. V.	RC4	38-39	2	11	2	64	80	KHTHAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	11	709	14	107	0	0	0		
2	GTC1	9	615	14	119	4	55	0		
3	RC4	1	80	2	11	2	64	0		
TOTAL		21	1.404	30	237	6	119	0		
WEIGHT KG			1.404		237		119			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2024	TO: TTC3 - P8 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG -	ETA: 11:45
VANG-2		DTÙNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	68	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
2	MAI TIEN THANH	TTC3	64-65	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese
3	VÔ TUẤN MẠNH	TTC3	62-63	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ TIEN DŨNG	TTC3	66-67	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH TRUONG	TTC3	61	1	6			68	PSV	Vietnamese
6	VŨ XUÂN THANH	P8						71	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	76	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRI HUNG	P8	74	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH ĐỨC TRUNG	P8	77	1	12			91	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUANG THẮNG	P8	72	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG HUY	P8	75	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯỜNG VĂN TÙNG	P8	70	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI QUÂN	P8	78-79	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HOÀNG GIANG	P8	48	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG TRI NAM	P8	71	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
16	DŨ TRẦN HUNG	P8	81-82	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN CHUÂN	P8	47	1	9			70	NIPI	Vietnamese
18	TRỊNH QUANG HUY	P8	45-46	2	13			72	NIPI	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC TÙNG	P8	73	1	5			74	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC3	5	355	8	38	0	0	5		
2	P8	14	1.018	16	120	0	0	15		
3	CTK3	0	0	0	0	3	38	2		
TOTAL		19	1.373	24	158	3	38	22		
WEIGHT KG			1.373		158		38			

GRAND TOAL: 1.569 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2024	TO: TTC1 - TTC2 - BK15	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:59
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - HUY	ETA: 11:50
CAM-2			

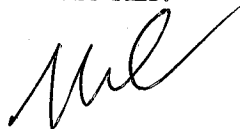
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOÀNG THÁI ANH	TTC1	03	1	4	1	19	77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TTC1	20	1	7			46	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐẠI THÀNH	TTC1	21	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC1	18	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN KHUÔNG	TTC1	11	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	TTC1	22	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TTC1	27	1	15	5	81	78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN NGHI	TTC1	25-26	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN TRƯỜNG	TTC1	28-29	2	18			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHẮC NGỌC	TTC1	12-13	2	18			53	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH VƯƠNG	TTC1	05-06	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN HOÀ	TTC1	07-08	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
13	LƯU QUÝ DỪNG	TTC1	14-15	2	18			56	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG TỊNH	TTC1	09-10	2	18			82	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ LÊ HUNG	TTC1	16-17	2	19			50	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN DUY TRỌNG	TTC1	23-24	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1	19	1	7			73	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN AI	TTC1	04	1	4			52	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN TUAN	TTC2						58	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TIẾN QUÝ	TTC2	75	1	5	1	21	76	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NGHĨA	BK15	14	1	4	1	4	62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

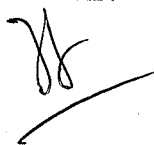
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC1	18	1.189	27	225	6	100	5		
2	TTC2	2	134	1	5	1	21	6		
3	BK15	1	62	1	4	1	4	8		
TOTAL		21	1.385	29	234	8	125	19		
WEIGHT KG			1.385		234		125			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

